TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN G

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Bản án số:61/2018/HSST
Ngày: 30/11/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN G

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán, Chủ toạ phiên toà: Ông **Bùi Thanh Giảng.**
- Các hội thẩm nhân dân :

1/ Ông: **Trần Văn Tám**.

2/ Bà **Nguyễn Thị Thúy Vân**.

- Thư ký phiên toà: Ông **Bùi Công Danh,** Thư ký Toà án nhân dân thị xã Cai Lậy.
- Đại diện VKSND thị xã Cai Lậy: Bà **Trần Thị Thảo Vân**- KSV.

Ngày 30/11/2018 tại Trụ sơ Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy xét xử sơ thẩm vụ án hình S thụ lý số 39/2018/HSST ngày 23/8/2018 đối với các bị cáo:

1/ **Nguyễn Quốc T,** sinh năm 1986.

- Nơi cư trú: Ấp A, xã B, thị xã C, Tiền G.
- Nghề nghiệp: Không.
- Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Kinh, Tôn giáo: Không,
- Trình độ học vấn: 10/12.
- Con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1954 và bà Lê Ngọc M, sinh năm 1957.
- Vợ, con: Chưa.
- Tiền án, tiền S: Không.
- Nhân thân: + Ngày 27/8/2003 bị Tòa án nhân dân tỉnh Tiền G xử phạt 09 năm tù về các tội Cướp tài sản và Trộm cắp tài sản tại bản án số 139/HSST.

+ Ngày 25/8/2010 bị Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền G xử phạt 02 năm tù về tội Cướp giật tài sản tại bản án số 59/2010/HSST.

+ Ngày 08/9/2014 bị Tòa án nhân dân TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền G xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản tại bản án số 180/2014/HSST.

- Bị cáo bị các cơ quan tiến hành tố tụng áp dụng biện pháp ngăn chặn bằng hình thức cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện nay bị cáo đã bỏ trốn và đang có lệnh truy nã.
- Bị cáo vắng mặt.

2/ **Võ Văn S,** sinh năm 1991.(Tên gọi khác: Cọ)

- Nơi cư trú: Ấp D, xã E, thị xã C, Tiền G.
- Nghề nghiệp: Làm thuê.
- Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Kinh, Tôn giáo: Không,
- Trình độ học vấn: 3/12.
- Con ông Võ Văn N, sinh năm 1972 và bà Phạm Thị Mỹ N, sinh năm 1974.
- Vợ, con: Chưa.

- Tiền án, tiền S: Không.

- Nhân thân: + Ngày 26/6/2006 bị Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao 5tai5 TP Hồ Chí Minh xử phạt 12 năm tù về các tội Giết người và Cướp tài sản tại bản án số 878/2006/HSPT.

- Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 30/4/2018, tạm giam ngày 06/5/2018 cho đến nay.

- Bị cáo có mặt.

Những người tham gia tố tụng khác:

***Người bị hại:** Ông Hà Văn T, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp A, xã B, thị xã C, Tiền G.

***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1/ Ông Võ Văn N, sinh năm 1972. (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp D, xã E, thị xã C, Tiền G.

2/ Ông Hà Văn T1, sinh 1954. (vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp A, xã B, thị xã C, Tiền G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 28/4/2018, Nguyễn Quốc T để ý thấy xe mô tô biển số 63X4-2006 của ông Hà Văn T1 nhưng giao cho ông Hà Văn T sử dụng dựng tại vườn mít của ông T tại ấp Rạch Trắc, xã Mỹ Phước Tây, thị xã Cai Lậy nên Trủ Võ Văn S cùng đi lấy cắp xe để S bán lấy tiền trả nợ cho T. S đồng ý nên Tkêu S chuẩn bị một tua vít để mở khóa xe. Đến khoảng 03 giờ ngày 29/3/2018, S điều khiển xe mô tô biển số 63B2 – 141.91 (xe này S mượn của ông Võ Văn N là cha S) đến nhà Tđể chở Tđi trộm. Do S không biết đường nên S giao xe cho Tđiều khiển chở S đến vườn mít của ông T. Đến nơi, Tở ngoài trông xe còn S đi vào nơi dựng xe mô tô 63X4-2006 dùng tua vít mở khóa xe nhưng không đươc nên S trở ra ngoài, lúc này Tcùng đi vào với S rồi Tchỉ S cách mở khóa máy xe. S mở khóa rồi dắt xe mô tô 63X4-2006 của ông T đem ra lộ. Tlấy chìa khóa xe cũ đã chuẩn bị trước đó gắn vào ổ khóa xe mô tô 63X4-2006 để không ai nghi ngờ xe trộm. Tkêu S chạy xe đến cửa khẩu Quốc tế Bình Hiệp thuộc tỉnh Long An để bán xe, còn Tđiều khiển xe của S đem về nhà T. Đến sáng cùng ngày Tđưa xe này cho bạn của S là Nguyễn Thị Trúc L.

Khi S điều khiển xe mô tô 63X4-2006 đi về hướng cửa khẩu Quốc tế Bình Hiệp, Tđiện thoại cho em ruột là Nguyễn Cẩm G trú tại huyện Vĩnh Hưng, Long An nói là có bạn tên S đánh bài thua nên nhờ G chỉ chỗ cầm xe. Tnhắn tin số điện thoại của G cho S, S điện thoại cho G, G nói khi đến cửa khẩu Quốc tế Bình Hiệp gọi cho người tên T2 để cầm xe nhưng khi đến chợ Bình Hiệp thì xe hết xăng nên S ghé vào quán cà phê Biên Giới để uống nước, tại dây S nhờ chủ quán là anh Nguyễn Văn Quốc V dẫn đến tiệm điện thoại di động Văn Thành 2 gần đó của anh Nguyễn Thành P để bán điện thoại di động Samsung Galaxy của S giá 300.000 đồng, S trả tiền nước uống và mua xăng đổ vào xe rồi điều khiển về cửa khẩu quốc tế Bình Hiệp thì bị Bộ đội biên phòng cửa khẩu kiểm tra bắt giữ S cùng xe mô tô biển số 63X4-2006, 01 chìa khóa xe đã rỉ sét có chữ Made in China trong ổ khóa xe và giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Cai Lậy xử lý theo thẩm quyền.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Cai Lậy thu giữ vật chứng trong vụ án gồm: 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave RS biển số 63B2-141.91 do Nguyễn Thị Trúc L giao nộp; 01

sim điện thoại di động số 0937863542 do Võ Văn S giao nộp; 01 điện thoại di động hiệu Mobistar B821 màu vàng kèm sim số 0901039807 do Nguyễn Quốc T giao nộp.

Bản kết luận định giá tài sản số 81 ngày 04/5/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình S thị xã Cai Lậy kết luận: Xe mô tô biển số 63X4-2006 trị giá 14.500.000 đồng.

Xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Cai Lậy đã trao trả tài sản cho các chủ sở hữu: Xe mô tô 63B2-141.91 giao trả lại cho ông Võ Văn N; xe mô tô biển số 63X4-2006 giao trả cho ông Hà Văn T1.

Hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Cai Lậy còn tạm giữ: 01 sim điện thoại di động số 0937863542 do Võ Văn S giao nộp; 01 điện thoại di động hiệu Mobistar B821 màu vàng kèm sim số 0901039807 do Nguyễn Quốc T giao nộp và 01 chìa khóa xe đã rỉ sét có chữ Made in China. Đối với điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J320, màu vàng mà S đã bán cho anh Nguyễn Thành P, anh Phúc đã bán cho người khác không rõ họ tên, địa chỉ nên không T giữ được và cây tua vít, sau khi mở khóa xe thì S đưa cho Tnhưng Tđã làm mất nên cũng không thu giữ được

Đối với Nguyễn Cẩm G có nhận lời của Tđể tìm người cầm dùm xe do S đem đến nhưng chưa thực hiện được và G cũng không biết đó là tài sản do người khác phạm tội mà có nên không có dấu hiệu của tội phạm.

Đối với Nguyễn Thị Trúc L có nhận giữ xe mô tô 63B2-141.91 do S, Tgiao sau khi dùng vào việc phạm tội nhưng Ly không biết nên không có dấu hiệu của tội phạm.

Đối với người tên T2 không rõ họ tên, địa chỉ thật mà G điện thoại liên hệ để nhận cầm xe do S trộm cắp Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Cai Lậy tiếp tục điều tra làm rõ.

Bản cáo trạng số 41/CT-VKSTXCL ngày 23/8/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền G truy tố các bị cáo Nguyễn Quốc T và Võ Văn S về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 điều 173 Bộ luật hình S.

Tại phiên tòa, bị cáo S thừa nhận hành vi phạm tội như trên, những người tham gia tố tụng khác vẫn giữ nguyên lời trình bày trong quá trình điều tra.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố phát biểu luận tội đã phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo và khẳng định việc truy tố các bị cáo như nội dung bản cáo trạng là đúng người, đúng tội không có gì thay đổi và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173**,** Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ Luật hình sự. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Quốc T và Võ Văn S phạm tội Trộm cắp tài sản và xử phạt bị cáo Tmức án từ 12 – 15 tháng tù; Xử phạt bị cáo S mức án từ 09 – 12 tháng tù. Về vật chứng: Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Mobistar B821 màu vàng do Nguyễn Quốc T sử dụng vào việc phạm tội; tịch thu tiêu hủy: 01 sim điện thoại di động số 0937863542 do Võ Văn S giao nộp; 01 sim điện toại di động số 0901039807 và 01 chìa khóa xe đã rỉ sét có chữ Made in China. Về trách nhiệm dân S: Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận lại tài sản xong và không có yêu cầu nào khác nên không xem xét.

Các cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo đã ăn năn hối cải và mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

- Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra thị xã Cai Lậy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, Kiểm sát viên cũng như của Tòa án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự . Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, bị cáo Võ Văn S đã khai nhận: Khoảng 03 giờ ngày 29/3/2018, S điều khiển xe mô tô biển số 63B2 – 141.91 đến nhà Tđể chở Tđi trộm xe mô tô 63X4-2006 của ông Hà Văn T tại vườn mít thuộc ấp Rạch Trắc, xã Mỹ Phước Tây, thị xã Cai Lậy. Sau đó, Tkêu S chạy xe đến cửa khẩu Quốc tế Bình Hiệp thuộc tỉnh Long An thì bị bắt giữ.. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với nội dung bản cáo trạng, lời khai bị cáo T, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, biên bản khám nghiệm hiện trường cùng các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Nguyễn Quốc T và Võ Văn S phạm tội Trộm cắp tài sản, tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 14.500.000 đồng. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình S.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bởi lẽ vì muốn có tiền tiêu xài mà các bị cáo bất chấp pháp luật, lợi dụng S sơ hở, thiếu cảnh giác trong việc quản lý tài sản của chủ sở hữu để lấy trộm tài sản, hành vi này không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương nơi bị cáo thực hiện tội phạm, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân. Trong vụ án này, các bị cáo cố ý cùng thực hiện một tội phạm, bị cáo Tcó vai trò là người thực hành, xúi giục; bị cáo S là người thực hành. Khi thực hiện tội phạm, các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc chiếm đoạt tài sản người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì động cơ tham lam, vụ lợi, muốn hưởng thụ mà không chịu lao động chân chính tạo ra của cải vật chất thỏa mãn nhu cầu bản thân. Hành động này luôn bị xã hội lên án. Trước lần phạm tội này, bị cáo Tcó 03 tiền án về các tội: Cướp tài sản, Cướp giật tài sản và trộm cắp tài sản; bị cáo S có 01 tiền án về Các tội: Giết người, Cướp tài sản nhưng các bị cáo đã được xóa án tích theo chính sách nhân đạo của pháp luật Vì vậy, cần phải xử lý các bị cáo mức án thật nghiêm tương xứng với tính chất, mực độ, hành vi phạm tội của từng bị cáo, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống chung của xã hội một thời gian mới có đủ tác dụng răn đe, giáo dục các bị cáo thành người tốt sống có ích cho xã hội đồng thời ngăn ngừa loại tội phạm này trong tình hình hiện nay.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay các bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS, ông nội bị cáo S là người có công được tặng thưởng Huân chương kháng chiến. Hội đồng xét xử có xem xét về phần trách nhiệm hình S cho các bị cáo khi lượng hình.

Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân S: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Cai Lậy ra quyết định xử lý trao trả tài sản cho những người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhận lại xong và không có yêu cầu nào khác nên không xem xét. Cần

tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Mobistar B821 màu vàng do Nguyễn Quốc T sử dụng vào việc phạm tội; tịch thu tiêu hủy: 01 sim điện thoại di động số 0937863542 do Võ Văn S giao nộp; 01 sim điện thoại di động số 0901039807 và 01 chìa khóa xe đã rỉ sét có chữ Made in China.

Đối với Nguyễn Cẩm G có nhận lời của Tđể tìm người cầm dùm xe do S đem đến nhưng chưa thực hiện được và G cũng không biết đó là tài sản do người khác phạm tội mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Cai Lậy không khởi tố là có căn cứ.

Đối với Nguyễn Thị Trúc L có nhận giữ xe mô tô 63B2-141.91 do S, Tgiao sau khi dùng vào việc phạm tội nhưng Ly không biết nên không có dấu hiệu của tội phạm.

Đối với người tên T2 không rõ họ tên, địa chỉ thật mà G điện thoại liên hệ để nhận cầm xe do S trộm cắp Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Cai Lậy tiếp tục điều tra làm rõ.

Đối với ông Võ Văn N là cha ruột của bị cáo S, là chủ sở hữu xe mô tô 63B2-141.91 đã giao xe cho bị cáo nhưng không biết bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Cai Lậy không khởi là có căn cứ.

Từ những nhận định trên, ý kiến phân tích và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Quốc T và Võ Văn S phạm tội Trộm cắp tài sản.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 17, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 290 Bộ luật Hình sự.

Xử: Phạt bị cáo Nguyễn Quốc T **01 (một) năm 03 tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 17, Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Bộ luật Hình sự.

Xử: Phạt bị cáo Võ Văn S **01 (một) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ là 30/4/2018.

Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố Tụng Hình sự: Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Mobistar B821 màu vàng; Tịch thu tiêu hủy: 01 sim điện thoại di động số 0937863542, 01 sim số 0901039807 và 01 chìa khóa xe đã rỉ sét có chữ Made in China.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình S , Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc các bị cáo Nguyễn Quốc T và Võ Văn S, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình S sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 231 Bộ luật tố tụng hình sự .

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo S, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền làm đơn kháng cáo yêu cầu xét xử phúc thẩm, người bị hại, bị cáo vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

/)/ ơi nhận:
- TAND tỉnh TG
- VKSND . TXCL
- Chi cục THADS.TXCL
- Người tham gia TT
- Lưu.

Bùi Thanh Giảng